

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/DS-PT

Ngày: 28-8-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân
Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tổ – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2018/TLPT- DS ngày 28 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2018/QĐ-PT ngày 21/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2018/QĐ-PT ngày 08/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Hữu Thái H, sinh năm: 1975; cư trú tại đường TR, Phường H, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1982; cư trú tại đường V, Phường T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 8528, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Đỗ Văn T chứng nhận ngày 02/8/2018), có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1981; cư trú tại đường KH, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Vũ Hữu Thái H, sinh năm: 1975 – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại các bản tự khai của ông Vũ Hữu Thái H thì:

Do có quen biết nhau nên ông Vũ Hữu Thái H cho bà Nguyễn Thị Kim L vay số tiền 1.840.000.000đ, chia làm nhiều lần cụ thể như sau:

+ Ngày 01/12/2016 cho vay số tiền 100.000.000đ; ngày 01/01/2017 cho vay số tiền 400.000.000đ; không thỏa thuận lãi suất; thời hạn trả của hai khoản vay này là vào ngày 01/9/2017;

+ Ngày 25/3/2017 cho vay số tiền 100.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ (ghi thêm vào giấy vay ngày 01/12/2016);

+ Ngày 27/7/2017 cho vay số tiền 740.000.000đ; không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả vào ngày 27/9/2017;

+ Ngày 10/8/2017 cho vay số tiền 200.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả vào ngày 27/9/2017;

+ Ngày 27/7/2017 cho vay số tiền 300.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả vào ngày 01/10/2017.

Theo ông H thì dù trong các giấy nhận nợ các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng trong thực tế thì lãi suất là 1,5%/tháng. Do quá trình thực hiện hợp đồng bà L không trả nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận nên nay ông có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả số tiền gốc đã vay đồng thời phải chịu tiền lãi, cụ thể như sau:

Số tiền 500.000.000đ từ ngày 01/12/2016 đến 01/3/2018 là 14 tháng x 01% = 70.000.000đ; số tiền 940.000.000đ từ ngày 27/7/2017 đến ngày 27/02/2018 là 07 tháng x 01 % = 65.000.000đ; số tiền 300.000.000đ từ ngày 27/7/2017 đến 27/02/2018 là 07 tháng x 01% = 21.000.000đ; số tiền 100.000.000đ từ ngày 25/3/2017 đến ngày 25/02/2018 là 11 tháng x 01% = 11.000.000đ; tổng tiền lãi ông H yêu cầu là 167.000.000đ. Cộng cả hai khoản ông H yêu cầu bà L phải thanh toán là 2.007.000.000đ.

Bà Nguyễn Thị Kim L thừa nhận có vay tiền của ông H như trong thực tế bà chỉ vay 940.000.000đ gồm cả lãi nhập vào gốc, lãi được tính là 4.000.000đ/100.000.000đ/tháng; do vậy bà không đồng trả nợ theo như yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại Bản án số 06/2018/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Hữu Thái H số tiền nợ gốc là 1.840.000.000đ và số tiền lãi là 79.942.000đ. Cộng hai khoản là 1.919.942.000đ.

2. Bác yêu cầu của ông H đòi bà L trả số tiền lãi là 87.058.000đ.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 69.598.260đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Vũ Hữu Thái H phải chịu 4.352.900đ án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.000.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0002106 ngày 15/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Ông H được nhận số tiền 24.647.100đ tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Bản án còn tuyên lãi suất thi hành án, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 08/6/2018 ông Vũ Hữu Thái H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ tiền lãi mà ông đã yêu cầu đồng thời xem xét việc hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của ông H là ông Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc đề nghị tính lãi suất, không đề nghị Tòa án xem xét việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cũng như việc hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa ông Vũ Hữu Thái H và bà Nguyễn Thị Kim L có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng việc vay nợ giữa các bên là có xảy ra trong thực tế, theo nội dung giấy vay tiền ngày 01/12/2016, 27/7/2017, ngày 10/8/2017 thì bà L có vay của ông H tổng cộng 1.840.000.000đ. Bà L thừa nhận có vay tiền của ông H nhưng cho rằng chỉ nợ tiền gốc và lãi là 940.000.000đ nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh, ông H lại không thừa nhận nên không có căn cứ xem xét, cấp sơ thẩm đã buộc bà L phải trả lại số tiền gốc nói trên là có căn cứ, sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Đối với kháng cáo của ông H yêu cầu tính lãi thì thấy rằng: mặc dù trong các giấy vay nợ không thể hiện các bên có thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông H cho rằng lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, bà L lại cho rằng lãi suất được tính theo mức 4.000.000đ/100.000.000đ/tháng như vậy bằng 4%/tháng; do vậy cần căn cứ vào quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất là phù hợp. Các bên không đề nghị điều chỉnh tiền lãi được nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có), nay ông H chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày đến hạn trả nợ đến ngày Tòa án công khai chứng cứ, hòa giải (ngày 25/02/2018), xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần chấp nhận. Do cả ông H và bà L đều thừa nhận vay có lãi nhưng có sự tranh chấp về lãi suất nên căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; buộc bị đơn phải chịu lãi suất với mức lãi 0,83% là phù hợp, ông H yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1%/tháng là cao hơn so với quy định, cấp sơ thẩm đã điều chỉnh về mức 0,83%/tháng là đúng đắn.

Theo hồ sơ thể hiện thì khoản vay thêm 100.000.000đ ngày 25/3/2017 ghi thêm trong giấy vay tiền ngày 01/12/2016 ông H đề nghị tính lãi từ ngày 25/3/2017 đến ngày 25/02/2018 là 11 tháng nhưng cấp sơ thẩm chỉ tính đến từ ngày 01/9/2017 đến ngày 25/02/2018 là 05 tháng 24 ngày là chưa phù hợp nên cần tính lại phần này cho ông H là phù hợp.

Như vậy khoản tiền 100.000.000đ vay ngày 25/3/2017 được tính như sau:

$$100.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 11 \text{ tháng} = 9.130.000đ.$$

Tổng cộng tiền lãi bà L phải chịu là 85.158.000đ.

[4] Đối với việc kháng cáo của nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm xem xét việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cũng như việc hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thì thấy rằng, tại giai đoạn sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã có Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2017/QĐ-BPKCTT ngày 05/12/2017, Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2017/QĐ-BPKCTT ngày 13/12/2017; ngoài ra Chánh án Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng có Quyết định giải quyết khiếu nại số 11/2017/QĐGQKN-TA ngày 19/12/2017. Theo quy định tại khoản 2 Điều 141 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh án là quyết định cuối cùng; đồng thời việc quyết định áp dụng hay không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không phải là đối tượng kháng cáo của vụ án; tại phiên tòa phúc thẩm ông B, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, cũng không đề nghị xem xét lại vấn đề vừa nêu trong vụ án nên không đề cập.

[5] Ngoài ra, theo hồ sơ thể hiện thì khi khởi kiện, ông H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải thanh toán cho ông tiền gốc 1.840.000.000đ, Tòa án cấp sơ thẩm đã cho đương sự đóng tạm ứng án phí sơ thẩm trên số tiền ông H

yêu cầu, tuy nhiên trước khi Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải vào ngày 25/02/2018 thì ông H có yêu cầu tính thêm tiền lãi với tổng số tiền là 167.000.000đ, đây thuộc trường hợp đương sự bổ sung yêu cầu khởi kiện, cấp sơ thẩm chưa cho đương sự đóng tạm ứng án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu bổ sung nhưng lại chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là thiếu sót và vi phạm thủ tục tố tụng, tuy nhiên việc vi phạm này không lớn, bởi lẽ sau khi xem xét yêu cầu của đương sự, cấp sơ thẩm cũng đã buộc các bên chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, trong trường hợp hủy phần giải quyết của cấp sơ thẩm về việc tính lãi để giải quyết lại cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án nên cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết yêu cầu của đương sự theo thủ tục chung nhưng cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm đối với vấn đề vừa nêu.

[6] *Về án phí*: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán (tiền gốc là 1.840.000.000đ, tiền lãi là 85.158.000đ, tổng cộng là 1.925.158.000đ), ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận (81.842.000đ x 5%).

[7] Với những nhận định trên cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Vũ Hữu Thái H, sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất theo hướng đã nhận định. Do sửa án nên ông Học không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 469, 470, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Vũ Hữu Thái H, sửa bản án sơ thẩm về phần tính lãi suất.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hữu Thái H về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Hữu Thái H số tiền lãi 85.158.000đ (tám mươi lăm triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 69.754.740đ án phí sơ thẩm.

Ông Vũ Hữu Thái H phải chịu 4.092.100đ án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 29.000.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002106 ngày 15/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (ông Nguyễn Mạnh H1 nộp thay), ông H được nhận lại 24.907.900đ.

+ Án phí phúc thẩm: Ông Vũ Hữu Thái H không phải chịu án phí phúc thẩm, ông Học được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0002418 ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

+ Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND tp. B, tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch